

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 28-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979, tại Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1952 và bà Đỗ Thị S, sinh năm 1955. Bị cáo có chồng nhưng đã ly hôn. Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

2. Nguyễn Thị M, sinh năm: 1997, tại Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Hoà là vợ chồng và có 02 người con chung tên Nguyễn Thị M và Nguyễn Quốc T, cùng cư trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, giữa ông Q và Hoà xảy ra mâu thuẫn nên khoảng tháng 7/2020, Hoà và 02 người con chuyển về nhà mẹ ruột của H tại ấp U, xã B, huyện D sinh sống.

Ngày 19/8/2020, do nghi ngờ ông Q có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương nên H cùng M và T về nhà tại ấp A để bắt gen. T có rủ thêm bạn tên Nguyễn Duy T2, sinh năm 2004, cùng cư trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương cùng đi. Khi về đến nhà, tất cả ngồi đợi đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì bà N điều khiển xe mô tô chở ông Q về đến. Lúc này, ông Q mở đèn chiếu sáng phía trước nhà, bà N đi ra phía khu vực bếp thì bị H và M tiến lại cự cãi, giằng co và vật bà N xuống đất. Cùng lúc, T và T2 sợ ông Q đánh H nên ôm vật ông Q xuống đất. Trong lúc giằng co, H lấy 01 (một) cây kéo tại khu vực bếp, cắt tóc, cắt quần áo của bà N và để bà N trong tình trạng khoả thân, nằm dưới đất. Trong lúc giằng co, tay bà N quơ trúng cây kéo gây thương tích. Sau khi H cắt tóc và quần áo bà N xong, cháu của Hoà là Lê Công V, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh năm 1995 cùng ngụ tại xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương cũng đến chứng kiến vụ việc. Khi thấy ông Q và H cự cãi, sợ ông Q đánh bà H nên V đến giúp T và Tú giữ tay ông Q. Cùng lúc, ông Trần Văn T1, sinh năm 1986, cư trú tại ấp A, xã B, huyện D đi ngang qua nhà ông Q chứng kiến vụ việc nên dừng lại can ngăn và gọi điện thoại báo Công an xã B đến kiểm tra hiện trường và thu giữ các vật chứng gồm:

- Tóc (không xác định được trọng lượng, số lượng);
- 01 (một) cái áo ngực màu trắng đã qua sử dụng;
- 01 (một) quần lót màu trắng đã qua sử dụng;
- 01 (một) cây kéo màu đen bằng kim loại dài 23cm.

Giấy chứng nhận thương tích số 123/CN ngày 25/8/2020, của Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước – Sở y tế tỉnh Bình Dương xác định tình trạng thương tích lúc vào viện của bà Nguyễn Thị Ngọc N:

- “- *Bệnh tình, tiếp xúc tốt. Da và niêm mạc hồng.*
- *Đau nhức vùng đầu, mạn sườn trái, bầm nhẹ vùng mặt.*
- *Vết thương 1cm lòng bàn tay trái + vết thương 1.5cm mu bàn tay phải đã khâu.*

- Sườn đau nhiều mạn sườn trái.
- Kết quả X.quang ngực: bình thường.
- Kết quả X.quang xương bàn tay: chưa thấy bất thường.
- Kết quả CTSCAN sọ não: hình ảnh CT Scan sọ não bình thường. Dày niêm mạc xoang hàm, xoang sàng 2 bên.”

Ngày 27/8/2020, bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của bà Nguyễn Thị H.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 498/2020/GDPY ngày 21/10/2020, của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bà Nguyễn Thị Ngọc N là 02% (hai phần trăm).

Đối với hành vi giữ ông Nguyễn Văn Q của Nguyễn Quốc T, Nguyễn Duy T2, Lê Công V là để ông Q không đánh Nguyễn Thị H. Nên không xử lý đối với hành vi của T, T2, V.

Đối với thương tích 02% (Hai phần trăm) của bà Nguyễn Thị Ngọc N. Trong quá trình giằng co với Nguyễn Thị H, H không cố ý gây thương tích cho bà N nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu bị cáo H và M bồi thường 60.000.000 đồng, bao gồm: 10.500.000 đồng bị mất trong quá trình giằng co; 15.000.000 đồng chi phí điều trị thương tích; 2.800.000 tiền thuê xe đi khám bệnh; 2.000.000 đồng tiền sửa vòng ximen; 700.000 đồng tiền sửa xe mô tô do giằng co làm hư hỏng; 29.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần). Bị can Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M không đồng ý bồi thường số tiền trên.

Tại phiên Tòa, bị hại thay đổi một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại như sau: đối với tiền chi phí điều trị thương tích trước đây bị hại yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng nay bị hại yêu cầu bồi thường khoản này là 10.190.000 đồng. Đối với các khoản yêu cầu bồi thường khác thì bị hại giữ nguyên không thay đổi.

Tại Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSDT ngày 03/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H và bị cáo M về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình

sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

* Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58; của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58; của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo M từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại Nguyễn Thị Ngọc N đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tổng cộng là 27.890.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), gồm: chi phí điều trị thương tích 10.190.000 đồng, tiền thuê xe đi chữa trị 2.800.000 đồng, tiền bồi thường nhân phẩm, uy tín, danh dự 14.900.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại Nguyễn Thị Ngọc N đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M với tổng số tiền: 27.300.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm: 10.500.000 đồng tiền bị mất trong quá trình giằng co, 2.000.000 đồng tiền sửa chữa vòng ximen bị hư, 700.000 đồng tiền sửa chữa xe bị hư hỏng, 14.100.000 đồng tiền bồi thường về uy tín, danh dự, nhân phẩm.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- Tóc (không xác định được trọng lượng, số lượng);
- 01 (một) cái áo ngực màu trắng đã qua sử dụng;
- 01 (một) quần lót màu trắng đã qua sử dụng;
- 01 (một) cây kéo màu đen bằng kim loại dài 23cm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M đồng ý với quyết định truy tố, điều khoản áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng của đại diện Viện Kiểm sát và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo để bị cáo sớm trở thành một người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 19/8/2020, tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M khống chế và dùng 01 cái kéo cắt tóc và cắt quần áo của bà Nguyễn Thị Ngọc N, mục đích làm nhục bà N trước mặt người khác.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSDT ngày 03/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi khống chế và dùng kéo cắt tóc và cắt quần áo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc N, mục đích bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của bị hại N là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, cùng tham gia thực hiện nên xét về tính chất thì các bị cáo có vai trò tương đương nhau nên phải chịu mức hình phạt như nhau.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại, hậu quả về hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân của các bị cáo nên có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu Hoà bồi thường 55.190.000 đồng, bao gồm: 10.500.000 đồng bị mất trong quá trình giăng co; 10.190.000 đồng chi phí điều trị thương tích; 2.800.000 tiền thuê xe đi khám bệnh; 2.000.000 đồng tiền sửa vòng ximen; 700.000 đồng tiền sửa xe mô tô do giăng co làm hư hỏng; 29.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Bị cáo Nguyễn Thị Hoà và Nguyễn Thị M chỉ đồng ý bồi thường 10.190.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích, các khoản yêu cầu còn lại bị cáo H và M không đồng ý bồi thường.

Xét, Đối với các khoản tiền 10.500.000 đồng tiền bị hại mất trong quá trình giăng co giữa bị cáo với bị hại; 2.000.000 đồng tiền sửa vòng ximen bị hư trong khi bị hại giăng co với bị cáo; 700.000 đồng tiền sửa xe bị hại bị hư trong khi giăng co với bị cáo. Xét thấy, bị hại yêu cầu các khoản bồi thường này nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, các bị cáo cũng không đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử không chấp nhận các khoản yêu cầu bồi thường này của bị hại.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích 10.190.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này. Đối với số tiền 2.800.000 đồng tiền bị hại thuê xe đi chữa trị thì các bị cáo không đồng ý. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Đ - là người chở bị hại đi chữa trị thể hiện tiền thuê xe đi chữa trị là 2.800.000 đồng, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền thuê xe của bị hại.

Đối với yêu cầu bồi thường 29.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự thì mức bồi thường danh dự, uy tín bị xâm phạm không quá 10 lần mức lương cơ sở, như vậy mức bồi thường danh dự, uy tín mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại cụ thể là $1.490.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 14.900.000 \text{ đồng}$.

Vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, uy tín của bị hại, buộc các bị cáo H và M có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại N số tiền tổng cộng là 27.890.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

[5] Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo ngực màu trắng đã qua sử dụng; 01 quần lót màu trắng đã qua sử dụng; cây cây kéo màu đen bằng kim loại dài 23cm, tóc (không xác định được trọng lượng, số lượng).

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại được Tòa án chấp nhận.

Bị hại phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M phạm tội: “Làm nhục người khác”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị H theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/2021/LCCC-HS ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị M theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 66/2021/LCCC-HS ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại Nguyễn Thị Ngọc N đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tổng cộng là 27.890.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại Nguyễn Thị Ngọc N đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M với tổng số tiền: 27.300.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Quản thủ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0001392 ngày 28 tháng 6 năm 2021 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo ngực màu trắng đã qua sử dụng; 01 quần lót màu trắng đã qua sử dụng; 01 cây kéo màu đen bằng kim loại dài 23cm, tóc (không xác định được trọng lượng, số lượng), (đã được bỏ trong túi và dán niêm phong).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 17/6/2021 giữa Công an huyện Dầu Tiếng và Chi cục thi hành án dân sự huyện D).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H và bị cáo M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị M phải nộp 1.394.500 đồng (một triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu số tiền 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến

